TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số:29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2020
V/v**:** "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình.

2/ Ông Phạm Xuân Trường.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10/02/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 10, thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Trần Đại N, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 10, thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2020, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Năm 2003 bà và ông Trần Đại N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào ngày 03/3/2020. Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống tại nhà riêng tại khu phố 10, thị trấn Đ. Chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, ông N không quan tâm lo lắng cho gia đình mà thường xuyên uống rượu, nhiều lần kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới xúc phạm bà, đập phá tài sản trong gia đình và tham gia bài bạc. Bản thân bà đã nhiều lần cho ông N cơ hội để sửa đổi, tuy nhiên ông N vẫn chứng nào tật nấy, không sửa đổi. Bà và ông N đã ly thân hơn 05 tháng nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung: Trần Võ Yến N1, sinh ngày 21/12/2003 và Trần Võ Thiên A, sinh ngày 10/6/2013. Từ khi ly thân đến nay các con do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 1.000.000 đồng/01tháng/01con cho đến khi các con đều đều đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 26/02/2020, biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2020 có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Trần Đại N khai: Theo ông nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề tài chính trong gia đình. Ông thừa nhận có uống rượu say và có hành động chửi bới xúc phạm vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đây cũng là nguyên nhân khiến bà L nộp đơn ly hôn. Tuy nhiên ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng và ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà L, do đó ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trường hợp ông bà ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của tòa án; bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Nguyên nhân chính dẫn đến việc bà L nộp đơn ly hôn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, xảy ra tình trạng ly thân đã lâu. Nhận thấy bà L không còn tình cảm yêu thương đối với ông N, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, đồng thời giao con Trần Võ Yến N1 sinh ngày 21/12/2003 và Trần Võ Thiên A sinh ngày 10/6/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L là phù hợp với điều kiện sống thực tế tại địa phương nên cần được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Khi bà Võ Thị L nộp đơn khởi kiện thì ông Trần Đại N đang sinh sống tại thị trấn Đ, huyện Đức Linh. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà L và ông N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà L, ông N và 02 giấy khai sinh do UBND thị trấn Đ cấp cho người được khai sinh tên Trần Võ Yến N1 và Trần Võ Thiên A thì có đủ cơ sở xác định, Yến N1 và Thiên A là con chung của bà L và ông N. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

* Về hôn nhân: Xuất phát từ việc ông N thường xuyên uống rượu bia say xỉn, giữa vợ chồng không có sự thống nhất trong việc quản lý và chi tiêu tiền bạc trong sinh hoạt phục vụ cuộc sống gia đình; giữa vợ chồng không có sự nhường nhịn lẫn nhau, thiếu kinh nghiệm trong việc giữ gìn hạnh phúc vợ chồng. Vì vậy trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên có sự tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau, ông N có hành vi bạo lực đập phá tài sản trong gia đình nên đã làm rạn nứttình cảm vợ chồng, giữa vợ chồng không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ nhau. Từ đó có đủ cơ sở để khẳng định: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông N thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông N.

* Về con chung: Xét thấy cháu Trần Võ Yến N1 và Trần Võ Thiên A đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng được ở với mẹ; đồng thời bà L là người có đạo đức tốt, có công việc và thu nhập ổn định và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và cháu A. Các cháu hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, đã có nơi ở và học tập ổn định. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần tiếp tục giao 02 cháu cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

* Về cấp dưỡng: Xét thấy theo đơn khởi kiện và các lời khai của bà Võ Thị L có trong hồ sơ vụ án, thì bà L có yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000đồng/01 tháng/01con. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà L chỉ yêu cầu

ông N cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đồng/01tháng/01con. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L là phù hợp với mức sống chung tại địa phương và khả năng cấp dưỡng của ông N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về quyền thăm nom con : Việc giao các cháu Trần Võ Yến N1 và Trần Võ Thiên A cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là xuất phát từ yêu cầu của bà L và quyền lợi chính đáng của các cháu N1 và A, cũng như nguyện vọng của các cháu. Tuy nhiên để duy trì tình cảm giữa cha con, giúp các cháu phát triển về mặt tinh thần và đảm bảo quyền của ông N đối với các con. Vì vậy ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà bà L và các thành viên khác trong gia đình không được cản trở.

* Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà L là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Võ Thị L ly hôn Trần Đại N.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con Trần Võ Yến N1, sinh ngày 21/12/2003 và Trần Võ Thiên A, sinh ngày 10/6/2013. Buộc ông Trần Đại N phải cấp dưỡng nuôi 02 con với mức 1.000.000 đồng/01tháng/01con. Thời gian cấp dưỡng kể từ

tháng 7/2020 cho đến khi các con đều đủ 18 tuổi. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, bà L và các thành viên trong gia đình không được cản trở.

Kể từ ngày bà Võ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông Trần Đại N có nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông N còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí**:** Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003360 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Đại N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con.

4. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2020), Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Thuận

Nơi nhận:
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội Thẩm Nhân Dân	Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa
Nguyễn Thị Bình Phạm Xuân Trường	**Huỳnh Thị Ngọc Thuận**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu.

Huỳnh Thị Ngọc Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Hòa;
- Lưu.

Huỳnh Thị Ngọc Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**